

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BÁT XÁT
TỈNH LÀO CAI
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05 /2021/QĐST – HNGĐ

Bát Xát, ngày 12 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
v/v Yêu cầu hủy hôn nhân trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Duy Chiến.

Thư ký phiên họp: Ông Lê Quý Sửu;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 32/2021/TLST-VDS ngày 14 tháng 10 năm 2021, về việc yêu cầu hủy hôn nhân trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2021/QĐST - VDS ngày 05 tháng 11 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Sùng A V;

Địa chỉ: Thôn M1, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Giàng Thị P.

Địa chỉ: Thôn M1, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự nộp Tòa án ngày 01/10/2021 và trong quá trình Tòa án giải quyết thì người yêu cầu anh Sùng A V trình bày:

Anh Sùng A V và chị Giàng Thị P kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 02/01/2014, số 01/2014, quyển số 01/2014. Do hiểu biết pháp luật còn hạn chế và bị thất lạc một số giấy tờ nên khi đi đăng ký kết hôn chỉ xuất trình sổ hộ khẩu, tại sổ hộ khẩu anh Sùng A V, sinh ngày 01/12/1994. Đến năm 2019 anh Sùng A V tìm

thấy giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã S cấp ngày 15/10/2006 thì thấy ghi sinh ngày 28/6/1996. Sau đó anh đã đính chính ngày tháng năm sinh trong sổ hộ khẩu để phù hợp với ngày tháng năm sinh trong giấy khai sinh. Đối chiếu với giấy đăng ký kết hôn giữa anh Sùng A V và chị Giàng Thị P do Ủy ban nhân dân xã S cấp ngày 02/01/2014 thì vi phạm điều kiện kết hôn, do anh Sùng A V chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Nay anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát hủy việc kết hôn trái pháp luật. Hiện tại anh chị vẫn sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn, sau khi hủy kết hôn trái pháp luật đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm cả hai bên đủ điều kiện kết hôn.

Tại bản tự khai ngày 18/10/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Giàng Thị P trình bày:

Chị và anh Sùng A V kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 02/01/2014, số 01/2014, quyền số 01/2014. Khi đi đăng ký kết hôn chỉ xuất trình sổ hộ khẩu, tại sổ hộ khẩu anh Sùng A V, sinh ngày 01/12/1994, nay anh Sùng A V tìm thấy giấy khai sinh, có ghi sinh ngày 28/6/1996, anh Sùng A V đã đính chính ngày tháng năm sinh trong sổ hộ khẩu để phù hợp với ngày tháng năm sinh trong giấy khai sinh. Như vậy thời gian đăng ký kết hôn anh Sùng A V vi phạm điều kiện kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Nay anh chị vẫn sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn, chị đề nghị sau khi hủy kết hôn trái pháp luật Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm cả hai bên đủ điều kiện kết hôn cho anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quyền yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân: Tại thời điểm hiện tại anh Sùng A V có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, anh V và chị Giàng Thị P đã đủ điều kiện kết hôn, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì anh Sùng A V và chị Giàng Thị P có quyền yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm cả hai đủ điều kiện kết hôn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết:

Chị Giàng Thị P và anh Sùng A V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, việc kết hôn đã được đăng ký tại đúng cơ quan có thẩm quyền, nay anh Sùng A V yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Tòa án nhân dân huyện Bát Xát thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 6 Điều 3 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về người tham gia tố tụng: Trong quá trình Tòa án giải quyết có đưa Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tại phiên họp xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã S không bị xâm phạm, vì vậy Tòa án không đưa Ủy ban nhân dân xã S vào tham gia tố tụng.

[1.4] Tại phiên họp người yêu cầu anh S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Giàng Thị P có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt.

Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự ở trên.

[2] Về nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết:

Chị Giàng Thị P và anh Sùng A V yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy tại giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã S cấp ngày 15/10/2006 ghi anh Sùng A V sinh ngày 28/6/1996, sau khi có giấy khai sinh anh V đã đính chính lại sổ hộ khẩu và làm giấy chứng minh thư cấp ngày 29/11/2019. Như vậy việc anh Sùng A V sinh ngày 28 tháng 6 năm 1996 là có căn cứ.

Đối chiếu với giấy đăng ký kết hôn của chị Giàng Thị P và anh Sùng A V theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2014, quyển số 01/2014, đăng ký ngày 02 tháng 01 năm 2014 do Ủy ban nhân dân xã S cấp. Anh Sùng A V sinh ngày 28/6/1996, thời điểm đăng ký kết hôn anh Sùng A V mới 17 tuổi 6 tháng 6 ngày. Như vậy là vi phạm điều kiện kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, hôn nhân giữa anh Sùng A V và chị Giàng Thị P là trái pháp luật, nay anh, chị đều yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, tuy nhiên trong quá trình giải quyết cũng như tại đơn xin mở phiên họp vắng mặt thì anh Sùng A V và chị Giàng Thị P cho rằng hiện tại vợ chồng vẫn sống với nhau hạnh phúc, trong thời gian chung sống không phát sinh mâu thuẫn, anh chị đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn.

Xét thấy tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định:

“Trong trường hợp tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật mà cả hai bên kết hôn đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này và hai bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì

Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân đó. Trong trường hợp này, quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm các bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này và hai bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân đó”

Tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cũng quy định:

“Nếu hai bên kết hôn cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án quyết định công nhận quan hệ hôn nhân đó kể từ thời điểm các bên kết hôn có đủ điều kiện kết hôn”. Như vậy anh Sùng A V và chị Giàng Thị P được yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân. Chị Giàng Thị Pàng, sinh ngày 26/3/1996, anh Sùng A V, sinh ngày 28/6/1996, ngày anh, chị đủ điều kiện kết hôn là ngày 28/6/2016. Từ phân tích ở trên Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân cho anh Sùng A V và chị Giàng Thị P kể từ ngày đủ điều kiện kết hôn ngày 28/6/2016. Do anh chị được công nhận quan hệ hôn nhân nên đối với yêu cầu hủy hôn nhân trái pháp luật không được Tòa án chấp nhận.

[4] Về lệ phí: Căn cứ Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016. Anh Sùng A V phải chịu lệ phí việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 6 Điều 3 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; khoản 2 Điều 367; Điều 370 và Điều 371 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Sùng A V và chị Giàng Thị P.

Tuyên bố: Không chấp nhận hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Giàng Thị P và anh Sùng A V theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2014, quyền số 01/2014, đăng ký ngày 02 tháng 01 năm 2014 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai cấp.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân của chị Giàng Thị P và anh Sùng A V kể từ thời điểm chị Giàng Thị P và anh Sùng A V đủ tuổi kết hôn là ngày 28 tháng 6 năm 2016.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Sùng A V phải chịu lệ phí việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mỗi người đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0002082 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Anh Sùng A V đã nộp đủ tiền lệ phí việc dân sự.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát H. Bát Xát;
- Người yêu cầu;
- NCQLNV liên quan;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Hoàng Duy Chiến

